TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 264/2026/DS-ST
Ngày 24 - 8 - 2026
V/v *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Tranh chấp hợp đồng góp hụi"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thanh Nhanh.

Ông Nguyễn Kim Phước.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Tiêu Thanh Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Ông Lý Út Hoài – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2026/TLST-DS, ngày 19 tháng 5 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: ngày 21 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Chị Lâm Thị Ngọc H, sinh ngày 01/01/1991. Căn cước công dân số: 094191000393, ngày cấp: 25/3/2021 (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

2. Anh Huỳnh Thanh L, sinh ngày 01/01/1983. Căn cước công dân số: 094083000327, ngày cấp: 25/3/2021 (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã L, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Lâm Thị Ngọc H và Huỳnh Thanh L: Ông Triệu Du N, sinh ngày 12/9/1986. Căn cước công dân số: 094086014875, ngày cấp: 26/02/2026. Địa chỉ: Ấp E, xã L, thành phố Cần Thơ (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Chị Võ Thị Hoàng T, sinh ngày 25/01/1975, căn cước công dân số: 094175018717, ngày cấp 05/6/2021. Địa chỉ: Ấp C, xã L, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 03 năm 2026, đơn khởi kiện bổ sung 17 tháng 7 năm 2026, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Lâm Thị Ngọc H và anh Huỳnh Thanh L trình bày*:*

Trong năm 2025, vợ chồng chị Lâm Thị Ngọc H và anh Huỳnh Thanh L có cho chị Võ Thị Hoàng T (tên thường gọi là L1) vay tiền nhiều lần với tổng số tiền là 220.000.000 đồng, mục đích vay tiền là tiêu dùng cá nhân, lãi suất theo thỏa thuận là 4%/tháng. Đến ngày 16/01/2026, chị T ký tên xác nhận số tiền vay vào "Giấy vay tiền đề ngày 16/01/2026" và chị T cam kết trong vòng 01 tháng sẽ trả đủ cho chị H số tiền 220.000.000 đồng, nhưng đến thời hạn trả nợ, chị T vẫn không trả tiền cho chị H.

Chị T là hụi viên có tham gia 02 dây hụi do chị H làm chủ hụi, cụ thể là dây thứ nhất: Vào ngày 15/8/2025 âm lịch, chị T tham gia 01 dây hụi với tên chị Linh V do chị H làm chủ hụi, hụi 5 ngày khui một kỳ, hụi 500.000 đồng, gồm 88 phần, chị T tham gia 02 phần; chị T hốt phần hụi thứ nhất vào kỳ mở hụi thứ 2 vào ngày 20/8/2025 âm lịch, số tiền lĩnh hụi 31.460.000 đồng, trừ hoa hồng 300.000 đồng, trừ tiền hụi sống chị T góp lại cho chị H 1 phần 360.000 đồng, còn lại là 30.800.000 đồng. Chị T hốt phần hụi thứ 2 vào kỳ mở hụi thứ 3 vào ngày 25/8/2025 âm lịch, số tiền lĩnh hụi 31.600.000, trừ hoa hồng 300.000 đồng, trừ tiền hụi chết phải góp lại cho chị H là 500.000 đồng, còn lại 30.800.000 đồng. Chị H đã giao đủ tiền lĩnh hụi 02 phần hụi trên cho chị T. Sau đó chị T có góp hụi chết cho chị H được đến kỳ thứ 21 (nhằm ngày 25/11/2025 âm lịch), đến kỳ 22 (ngày 30/11/2025 âm lịch) thì chị T không đóng hụi chết, chị H đã góp hụi chết thay cho chị T với số tiền: 500.000 đồng/chân x 02 chân x 11 lần = 11.000.000 đồng.

Dây thứ hai: Vào ngày 14/4/2025 âm lịch, nhằm ngày 11/5/2025 dương lịch, chị T tham gia dây hụi với tên chị Linh V do chị H làm chủ hụi, hụi một tuần vào ngày chủ nhật khui một kỳ, hụi 1.000.000 đồng, gồm 74 phần, chị T tham gia 02 phần. Chị T hốt phần hụi thứ nhất vào kỳ mở hụi thứ 3 vào ngày

28/4/2025 âm lịch, nhằm ngày 25/5/2025 dương lịch, số tiền lĩnh hụi 52.410.000 đồng, sau khi trừ hoa hồng 500.000 đồng, trừ tiền góp hụi sống lại cho chị H một phần hụi là 710.000 đồng, trừ phí chuyển khoản 50.000 đồng, chị H chuyển khoản cho chị T số tiền hụi là 51.150.000 đồng. Chị T hốt phần hụi thứ 2 vào kỳ mở hụi thứ 4 vào ngày 06/5/2025 âm lịch, nhằm ngày 01/6/2025 dương lịch, số tiền lĩnh hụi 49.900.000 đồng, sau khi trừ hoa hồng 500.000 đồng và trừ tiền hụi góp lại phần hụi chết 1.000.000 đồng, trừ phí chuyển khoản 50.000 đồng, chị H chuyển khoản cho chị T tiền hụi 48.350.000 đồng. Sau đó chị T có góp hụi chết cho chị H được đến kỳ thứ 36 từ kỳ 37 đến kỳ 44 thì chị T không đóng hụi chết, chị H đã góp hụi chết thay cho chị T với số tiền: 1.000.000 đồng/chân x 02 chân x 08 lần = 16.000.000 đồng. Chị H đã yêu cầu chị T trả nợ hụi nhiều lần nhưng chị T không trả.

Nay chị Lâm Thị Ngọc H và anh Huỳnh Thanh L yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Buộc chị Võ Thị Hoàng T trả cho chị H và anh L tiền vay gốc 220.000.000 đồng. Và tiền lãi từ ngày 26/01/2026 đến ngày 26/02/2026, tính thành tiền: 200.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 01 tháng = 3.652.000 đồng; lãi chậm trả tính từ ngày 26/02/2026 cho đến khi thanh toán xong nợ, tạm tính từ ngày 26/02/2026 đến ngày 26/3/2026, tính thành tiền: 200.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 01 tháng = 1.826.000 đồng; tổng cộng gốc và lãi vay là 225.451.000 đồng; buộc bà L1 trả cho chị H, anh L số tiền nợ hụi tổng cộng 27.000.000 đồng; và buộc chị T phải có nghĩa vụ đóng tiền hụi chết của 04 chân hụi nói trên cho đến khi mãn hụi.

Đến ngày 17 tháng 7 năm 2026, chị H và anh L bổ sung yêu cầu khởi kiện đối với tiền vay và tiền hụi như sau: Đối với dây hụi ngày 15/8/2025 âm lịch, chị H và anh L yêu cầu chị Võ Thị Hoàng T trả số tiền đóng từ lần thứ 22 đến lần thứ 87 với số tiền là 500.000 đồng/chân x 02 chân x 66 lần = 66.000.000 đồng (sáu mươi sáu triệu đồng); đối với dây hụi ngày 14/4/2025 âm lịch, chị H và anh L yêu cầu chị T trả số tiền đóng từ lần thứ 37 đến lần thứ 73 với số tiền là 1.000.000/chân x 02 chân x 37 lần = 74.000.000 đồng (bảy mươi bốn triệu đồng). Tổng cộng số tiền nợ hụi là 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng); đối với số tiền vay, chị H và anh L yêu cầu chị Võ Thị Hoàng T trả số tiền vốn gốc là 220.000.000 đồng và tiền lãi suất tạm tính từ ngày 16/01/2026 đến ngày 16/07/2026 với số tiền là 220.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 06 tháng = 21.912.000 đồng. Tổng cộng là 241.912.000 đồng (hai trăm bốn mươi mốt triệu chín trăm mười hai nghìn đồng).

Tại bản tự khai lập ngày 20/8/2026, chị H và anh L có thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, cụ thể như sau: Đối với nợ vay, chị H và anh L yêu cầu buộc chị T trả nợ vay gốc 220.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 16/01/2026, đến

ngày xét xử sơ thẩm 24/8/2026 là 07 tháng, 08 ngày với mức lãi suất 1,66%/tháng, tính thành tiền là 26.537.866 đồng, làm tròn 26.500.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 246.500.000 đồng. Tiền hụi: Dây hụi 500.000 đồng, chị H, anh L đã góp thay cho chị T 02 phần hụi từ kỳ 22 ngày 30/11/2025 âm lịch đến kỳ thứ 66 ngày 10/7/2026 âm lịch, nhằm ngày 22/8/2026 là 45 kỳ, tính thành tiền là 45 x 02 x 500.000 đồng = 45.000.000 đồng; dây hụi 1.000.000 đồng, chị H và anh L đã góp hụi thay cho chị T 02 phần hụi từ kỳ thứ 38 là chủ nhật ngày 25/01/2026, đến kỳ thứ 68 chủ nhật ngày 23/8/2026 là 31 kỳ, tính thành tiền là 31 x 02 x 1.000.000 đồng = 62.000.000 đồng, tổng cộng là 45.000.000 đồng + 62.000.000 đồng = 107.000.000 đồng. Chị H và anh L yêu cầu chị T trả nợ hụi đã góp thay số tiền 107.000.000 đồng, tổng cộng tiền vay gốc, lãi và tiền hụi là 353.500.000 đồng. Đối với các kỳ hụi còn lại chưa mãn, thì chị H và anh L không yêu cầu.

- Bị đơn chị Võ Thị Hoàng T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến hai lần mà vẫn vắng mặt không có lý do và chị T không gửi văn bản nêu ý kiến đối với các yêu cầu của nguyên đơn cho Tòa án. Tại phiên tòa chị T vắng mặt, nên không có ý kiến trình bày.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Triệu Du N trình bày ý kiến tại bản luận cứ bảo vệ như sau: Với các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã nộp trong hồ sơ vụ án đã có cơ sở xác định chị H và chị T có hợp đồng vay tiền, số tiền gốc 220.000.000 đồng và có thỏa thuận lãi suất nhưng chị T vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Đối với tiền hụi cũng đã chứng minh chị H đã giao đủ tiền lĩnh hụi đối với 02 phần hụi 1.000.000 đồng và 02 phần hụi 500.000 đồng. Sau khi chị T lĩnh hụi thì chị T góp hụi chết được một thời gian thì không góp nữa. Cụ thể đối với tiền hụi 500.000 đồng vì uy tín của người làm đầu thảo nên chị H đã góp hụi chết thay cho chị T từ lần thứ 22 ngày 30/11/2025 âm lịch đến lần thứ 66 ngày 10/7/2026 âm lịch nhằm ngày 22/8/2026 dương lịch với số tiền là 500.000 đồng/chân x 02 chân x 45 lần = 45.000.000 đồng. Đối với dây hụi 1.000.000 đồng, chị H đã góp hụi chết thay cho chị T từ lần thứ 38 ngày 25/01/2026 dương lịch đến lần thứ 68 (chủ nhật ngày 23/8/2026) số tiền là 1.000.000 đồng/chân x 02 x 31 lần = 62.000.000 đồng.

Ông N đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: Buộc chị Võ Thị Hoàng T trả nợ vay vốn gốc là 220.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 16/01/2026 đến ngày 24/8/2026 với số tiền 220.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 07 tháng, 08 ngày = 26.500.000 đồng, tổng cộng gốc và

lãi vay là 246.500.000 đồng và số tiền nợ hụi tính đến thời điểm xét xử là 45.000.000 đồng + 62.000.000 đồng = 107.000.000 đồng. Tổng cộng tiền vay gốc, lãi và tiền hụi là 353.500.000 đồng.

- Nguyên đơn đã nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ: Sổ phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn, số tài khoản khách hàng Lâm Thị Ngọc H, chuyển khoản qua tài khoản Võ Thị Hoàng T của Ngân hàng Thương mại cổ phần T2 – Chi nhánh L2 - Sóc Trăng, số tiền chị H chuyển khoản cho chị T tổng cộng 293.700.000 đồng (bản chính). Quá trình giải quyết, Tòa án đã thu thập tài liệu, chứng cứ là Công văn số 174/BODV.ST-QLRR ngày 24/7/2026 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ Chi nhánh S, về việc cung cấp thông tin số tài khoản 74210000739676, tên Võ Thị Hoàng T, sinh ngày 01/01/1975, căn cước công dân số 094175018717, địa chỉ ấp C, xã L, thành phố Cần Thơ, số điện thoại 077.488.2646 (bản chính). Các tài liệu, chứng cứ do chị H nộp và Tòa án thu thập được tổ chức có thẩm quyền cấp nên hợp pháp, đây là các tình tiết sự kiện không phải chứng minh phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án: Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán tiền vay vốn gốc là 220.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 16/01/2026 đến ngày 24/8/2026 với số tiền 220.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 07 tháng, 08 ngày = 26.500.000 đồng (đã làm tròn), tổng cộng gốc và lãi vay là 246.500.000 đồng và số tiền nợ hụi tính đến thời điểm xét xử là 45.000.000 đồng + 62.000.000 đồng = 107.000.000 đồng. Tổng cộng tiền vay gốc, lãi và tiền hụi là 353.500.000 đồng; buộc bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn cư trú tại ấp C, xã L, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ theo Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ tiền vay và tiền góp hụi. Do đó, Hội đồng xét xử xác định: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Tranh chấp hợp đồng góp hụi" là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Lâm Thị Ngọc H, anh Huỳnh Thanh L và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Triệu Du N vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn chị Võ Thị Hoàng T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do khi được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về thay đổi yêu cầu khởi kiện: Ý kiến nguyên đơn tại bản tự khai lập ngày 20/8/2026 đã thay đổi yêu cầu khởi kiện, từ yêu cầu bị đơn trả hết tiền hụi các kỳ hụi chưa mãn sang yêu cầu chị T trả tiền hụi nguyên đơn đã góp thay chị T tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn chị Võ Thị Hoàng T phải có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc còn nợ là 220.000.000 đồng, tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng, tính từ ngày 16/01/2026 cho đến ngày xét xử ngày 24/8/2026 là 07 tháng 08 ngày, tính thành tiền là 26.537.866 đồng, làm tròn 26.500.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi 246.500.000 đồng; tiền hụi gốc tổng cộng 107.000.000 đồng.

[6] Xét hiệu lực của hợp đồng vay tiền và hợp đồng góp hụi giữa vợ chồng chị H, anh L với chị T: Quá trình giải quyết vụ án, chị T đã giao nộp tài liệu, chứng cứ là giao dịch chuyển khoản qua tài khoản của chị T; giấy vay tiền có chữ ký và chữ viết của chị Võ Thị Hoàng T, tin nhắn trên messenger (facebook) giữa chị H và chị T: Qua đó đã có đủ cơ sở để xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch vay tiền và góp hụi với nhau. Tại thời điểm xác lập hợp đồng các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các 117, 119 và 398 của Bộ luật Dân sự, nên hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi có hiệu lực pháp luật.

[7] Xét yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả nợ vay gốc là 220.000.000 đồng. Quá trình giải quyết, nguyên đơn có nộp cho Tòa án bản chính Giấy vay tiền lập ngày 16/01/2026, bên vay là Võ Thị Hoàng T, sinh năm 1975, số chứng minh nhân dân 365908242, địa chỉ ấp C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp C, xã L, thành phố Cần Thơ), tiền vay là 180.000.000 + 20.000.000 + 20.000.000 = 220.000.000 đồng, bằng chữ (ngày 05 +60 cộng 10, ngày 15 +60 cộng10, ngày 28- 60 +20) – Chị H giải thích là chị H ghi ngày 05 số tiền vay là 60.000.000 đồng, sau đó ngày 05, tiếp tục mượn 10.000.000 đồng, chị H ghi ngày 05 + 60 cộng 10, nghĩa là 60.000.000 đồng + 10.000.000 đồng, tương tự các ngày còn lại lần lượt ngày 15: là 60.000.000 đồng + 10.000.000 đồng; ngày 28: 60.000.000 đồng + 20.000.000 đồng, tổng cộng là 220.000.000 đồng. Lãi suất hàng tháng, mức lãi suất thỏa thuận 4%/tháng, bên vay ký tên ghi Võ Thị Hoàng T, bên cho vay Huỳnh Thanh L, Lâm Thị Ngọc H. Ngoài ra, chị H còn nộp các tài liệu khác: 23 (hai mươi ba) ảnh chụp màn hình trò chuyện có nội dung vay tiền, góp hụi trên messenger (facebook) giữa N1 (tên gọi trên facebook) N2 (chị Lâm Thị Ngọc H) và Linh V1 (chị Võ Thị Hoàng T); ảnh chụp bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tên Đặng Văn T1 và Võ Thị Hoàng T, sinh năm 1975, chứng minh nhân dân 365908242, địa chỉ: Ấp C, xã L, thành phố Cần Thơ. Trong các tài liệu ảnh chụp đã nộp, có một ảnh chụp màn hình từ trò chuyện messenge đã thể hiện chốt nợ vay với nhau ngày 16/01/2026: Chị H nhắn: "*Là tc 3 day la 220 triêu, Day 28 là 80 chuc. Day mung 05 là 70 chục. Day 15 là 70 chuc*", chị T thể hiện trạng thái trả lời: "*Ok*" tin nhắn này được chị H giải thích nghĩa như sau: "Chị H tính tiền vay của chị T theo dây hụi, cụ thể dây hụi ngày 28, chị T nợ tiền vay là 80.000.000 đồng, dây hụi ngày mùng 05, chị T vay là 70.000.000 đồng; dây hụi ngày 05, chị T vay tiền 70 triệu đồng". Chị T thể hiện trạng thái trả lời: "*Ok*" là đồng ý.

[8] Qua nội dung Giấy vay tiền, trò chuyện đã thể hiện giữa chị H với chị T có giao dịch vay tiền, số tiền vay gốc được hai bên chốt nợ ngày 16/01/2026 là 220.000.000 đồng. Bị đơn thừa nhận số tiền nợ vay là 220.000.000 đồng, đến nay bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ vay gốc 220.000.000 đồng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[9] Xét yêu cầu bị đơn trả lãi đối với nợ gốc 220.000.000 đồng, tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng, tính từ ngày 16/01/2026 cho đến ngày xét xử ngày 24/8/2026 là 07 tháng 08 ngày, tính thành tiền là 26.537.866 đồng, làm tròn 26.500.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, giữa các bên có thỏa thuận thời gian thanh toán nợ vào 06 tháng kể từ ngày vay 16/01/2026, tuy nhiên đến nay

bị đơn vẫn chưa thanh toán khoản nợ gốc cho nguyên đơn. Tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, về lãi suất: "*1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác……* ".

[10] Như vậy, theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự, thì bị đơn vị phạm nghĩa vụ thanh toán 220.000.000 đồng, nhưng các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất không được vượt quá 20%/năm, tương đương 1,66%/tháng. Mặc dù trong giấy vay tiền, các đương sự thỏa thuận lãi suất vay là 4%/tháng, nhưng khi khởi kiện ra Tòa án, nguyên đơn đã yêu cầu tính mức lãi suất 1,66%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Bị đơn đã vi phạm từ ngày 16/01/2026, thời gian tính lãi từ ngày 16/01/2026 đến ngày xét xử sơ thẩm là 24/8/2026, là 07 tháng 08 ngày, thành tiền là 26.537.866 đồng, làm tròn 26.500.000 đồng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi số tiền này là có căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị đơn trả số tiền lãi là 26.500.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[11] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả lại tiền nợ hụi tính đến ngày xét xử sơ thẩm tổng cộng là 107.000.000 đồng.

[12] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện về tiền hụi, chị H đã nộp sổ phụ tài khoản của Ngân hàng Thương mại cổ phần T2, giao dịch tài khoản của chị Võ Thị Hoàng T đã nhận được số tiền lĩnh hụi của hụi một triệu đồng, cụ thể: Vào ngày 25/5/2025, số tiền 51.150.000 đồng; vào ngày 01/6/2025, số tiền 48.350.000 đồng. Tiền hốt hụi một triệu ngày 28/4/2024 âm lịch được tính là 52.410.000 đồng, lý do chuyển khoản cho chị T 51.150.000 đồng ngày 25/5/2025 là chị H trừ chi phí chuyển khoản 50.000 đồng, trừ 01 chân hụi sống chị T phải góp là 710.000 đồng và trừ hoa hồng 500.000 đồng; tiền hốt hụi ngày 06/5/2025 âm lịch nhằm ngày 01/6/2025 dương lịch, theo Biên lai giao hụi chị H tính số tiền chị T lĩnh hụi là 49.900.000 đồng, chị H chuyển khoản số tiền 48.350.000 đồng ngày 01/6/2025 là chị H trừ chi phí chuyển khoản 50.000 đồng, trừ hoa hồng 500.000 đồng, trừ tiền hụi chết chị T phải góp là 1.000.000 đồng.

[13] Đối với tiền lĩnh hụi của dây hụi 500.000 đồng theo Biên lai giao hụi của chị H lập ngày 25/8/2025 âm lịch là 30.800.000 đồng; ngày 20/8/2025 âm lịch (ngày 11/10/2025 dương lịch) là 30.800.000 đồng, chị H chứng minh việc giao hụi cho chị T thể hiện là qua lần chuyển khoản ngày 11/10/2025, số tiền 21.800.000 đồng, gửi tiền mặt 9.000.000 đồng; đối với lần hụi 500.000 đồng ngày lĩnh hụi 25/8/2025 âm lịch, chị H giao toàn bộ tiền mặt cho chị T. Đối với

dây hụi 500.000 đồng, chị H chưa chứng minh được giao tiền mặt cho chị T, tuy nhiên trong cuộc trò chuyện trên messenger (facebook) giữa nickname N2 (chị Lâm Thị Ngọc H) và Linh V1 (chị Võ Thị Hoàng T), cụ thể ngày 12/5/2026, chị H nhắn: "*Hụi chị hốt… rồi bây giờ không đóng 1 tháng 14 triệu tiền hụi*", chị T đối đáp trả lời nhiều tin, nhắn thừa nhận có nợ tiền hụi, tiền vay và đang làm thủ tục thế chấp quyền sử dụng đất để vay tiền ngân hàng, đang chờ giải ngân để trả nợ và chụp hình ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tên Võ Thị Hoàng T gửi cho chị H.

[14] Qua lời trình bày của chị H: Các phần hụi chị T đã hốt, đối với hụi 1.000.000 đồng, 7 ngày một kỳ (khui ngày chủ nhật), thì trung bình một tháng khui 04 kỳ, chị T phải có nghĩa vụ góp 02 phần hụi chết: 02 x 1.000.000 x 04 đồng = 8.000.000 đồng; hụi 500.000 đồng, 05 ngày mở một kỳ, trung bình 01 tháng 06 kỳ, chị T lĩnh hụi 02 phần, chị T phải góp hụi chết: 02 x 500.000 x 06 = 6.000.000 đồng, tổng cộng chị T phải góp hụi chết cho chị T 01 tháng là 14.000.000 đồng; số tiền 14.000.000 đồng phù hợp với tin nhắn trò chuyện trên messenger của chị T và chị H. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Chị H đã giao đủ tiền lĩnh hụi cho chị T đối với 02 phần hụi của dây hụi 1.000.000 đồng, 07 ngày khui 01 kỳ và 02 phần hụi của dây hụi 500.000 đồng, 05 ngày khui một kỳ. Sau khi lĩnh hụi xong, chị T có nghĩa vụ phải góp hụi chết theo kỳ cho chị H, tuy nhiên chị T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hụi, chị H và anh L đã góp hụi thay, nên chị H, anh L yêu cầu chị T có nghĩa vụ thanh toán lại tiền hụi mà chị H đã góp thay cho chị T khi đến kỳ khui hụi là đúng quy định, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện tiền hụi của chị H và anh L.

[15] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền hụi đã góp thay cho chị T đối với dây hụi 1.000.000 đồng, hụi 07 ngày khui một kỳ, khui kỳ đầu vào chủ nhật ngày 14/4/2025 âm lịch, đổi sang ngày chủ nhật dương lịch là 11/5/2025, dây hụi này 74 kỳ. Sau khi chị T lĩnh hụi chị T góp được đến kỳ 37 là chủ nhật ngày 18/01/2026 (từ ngày 11/5/2025 đến ngày 18/01/2026 là 37 kỳ hụi), từ kỳ hụi lần thứ 38 là ngày 15/01/2026 thì chị T không góp hụi cho đến nay, tính đến chủ nhật 23/8/2026, hụi khui kỳ thứ 68, chị H và anh L đã góp thay hụi cho chị T từ kỳ 38 đến kỳ 68, tổng cộng là 31 kỳ hụi, tính thành tiền là 31 x 02 x 2.000.000 đồng = 62.000.000 đồng. Dây hụi 500.000 đồng, hụi mở 5 ngày một kỳ, mở vào ngày 15/8/2025 âm lịch, 88 kỳ hụi. Sau khi chị T lĩnh hụi thì góp hụi đến kỳ 21 là ngày 25/11/2025 âm lịch thì ngưng góp, tính đến ngày 10/7/2026 âm lịch (nhằm ngày 22/8/2026 dương lịch), hụi mở được 66 kỳ, chị H, anh L đã góp thay cho chị T hụi 500.000 đồng, tính từ kỳ 22 ngày 30/11/2025 âm lịch đến ngày 10/7/2026 âm lịch (nhằm ngày 22/8/2026 dương lịch) là 45 kỳ, tính thành tiền là 45 x 02 x 500.000 đồng = 45.000.000 đồng. Tổng cộng chị H, anh L đã

góp thay cho chị T số tiền hụi: 62.000.000 đồng + 45.000.000 đồng = 107.000.000 đồng.

[16] Qua yêu cầu buộc chị T phải trả lại tiền hụi chị H, anh L đã góp thay tổng cộng là 107.000.000 đồng. Từ phân tích tại mục [11] đến mục [14], chị H, anh L đã xác định được số tiền đã nộp thay cho chị T là 107.000.000 đồng. Chị T là thành viên hụi, hụi của chị H là hụi có hoa hồng, sau khi lĩnh hụi chị T phải có nghĩa vụ "*Tiếp tục góp các phần họ (hụi) để các thành viên khác được lĩnh cho đến khi thành viên cuối cùng lĩnh họ trong trường hợp đã lĩnh họ trước thành viên khác*"; chị T vi phạm không góp đầy đủ tiền hụi, chị H đã góp thay, chị H là chủ hụi có quyền: "*Yêu cầu thành viên không góp phần họ của mình phải trả phần họ trong trường hợp chủ họ đã góp thay cho thành viên đó"*. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, buộc chị T có nghĩa vụ trả nợ tiền hụi chị H đã nộp thay, tính đến ngày xét xử sơ thẩm 24/8/2026, tổng cộng là 107.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 16, khoản 3 Điều 17 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về Họ, hụi, phường. Do các dây hụi này chưa kết thúc, dây hụi 500.000 đồng từ kỳ 67 đến kỳ hụi cuối là 88, hụi 1.000.000 đồng từ kỳ hụi lần thứ 69 đến kỳ hụi cuối 74, nếu chị T tiếp tục vi phạm nghĩa vụ thanh toán, chị H, anh L có tiếp tục góp thay thì được yêu cầu chị T trả tiếp nợ hụi đã góp thay khi kết thúc các dây hụi bằng một vụ án khác.

[17] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn buộc bà T trả nợ vay gốc 220.000.000 đồng, lãi 26.500.000 đồng; nợ hụi 107.000.000 đồng, tổng cộng là 353.500.000 đồng, như đã phân tích và nhận định ở trên ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[18] Từ phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[19] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lâm Thị Ngọc H, anh Huỳnh Thanh L không chịu án phí dân sự sơ thẩm; bị đơn chị Võ Thị Hoàng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.675.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); các 117, 119, 357, 398, 463, 466, 468 và 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 17 Luật và Lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự; khoản 2 Điều 16 và khoản 3 Điều 17 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lâm Thị Ngọc H, anh Huỳnh Thanh L.

1. Buộc chị Võ Thị Hoàng T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Lâm Thị Ngọc H, anh Huỳnh Thanh L số tiền 353.500.000 đồng, trong nó tiền vay gốc 220.000.000 đồng, tiền lãi 26.500.000 đồng, tiền hụi 107.000.000 đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành thì phải chịu lãi suất của số tiền chưa thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị Hoàng T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 17.675.000 đồng. Chị Lâm Thị Ngọc H, anh Huỳnh Thanh L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho chị H và anh L số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp 9.137.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009931, ngày 19 tháng 5 năm 2026 và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001172, ngày 21 tháng 7 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

3. Quyền kháng cáo bản án: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các 6, 7 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 9 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Ngoan